

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 30 – 01 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân;

2. Bà Trương Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Trước đây, vào ngày 02/8/2020 bà có cho ông Nguyễn Hoàng M vay số tiền là 65.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tay, thời hạn vay là 06 tháng. Tuy nhiên, hiện tại do bà dọn nhà nhiều lần nên đã làm thất lạc biên nhận nợ nên không cung cấp được cho Tòa án. Quá trình cho vay bà có nhiều lần yêu cầu ông M trả nợ nhưng đến nay vẫn không trả. Bà có gửi đơn đến Trưởng ấp T nhờ giải

quyết, khi hòa giải ở ấp vào ngày 30/8/2023 thì ông **M** có thừa nhận nợ bà số tiền 65.000.000 đồng, có ký tên trong biên bản và hứa trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng đến nay ông **M** không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông **M** phải trả cho bà số tiền nợ là 65.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông **Nguyễn Hoàng M** đã được Tòa án thông báo về việc bà **T1** khởi kiện đối với ông và đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông **M** đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị T1** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Hoàng M** phải trả số tiền vay là 65.000.000 đồng nên xác định là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà **Nguyễn Thị T1** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Hoàng M** phải trả số tiền nợ vay là 65.000.000 đồng. Khi cho vay, hai bên có làm biên nhận nhưng hiện nay bà đã làm mất. Tuy nhiên, bà **T1** có cung cấp biên bản hòa giải cơ sở không thành ngày 30/8/2023 của **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang** với nội dung được tóm tắt như sau: Tại buổi hòa giải ông **M** thống nhất còn nợ bà **T1** số

tiền là 65.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà T1 số tiền 1.000.000 đồng. Tại biên bản xác minh sự việc ngày 30/11/2023 của Tòa án, ông Lê Văn D là trưởng ấp xác nhận: Vào ngày 30/8/2023, tổ hòa giải cơ sở do ông làm đại diện có tiến hành hòa giải tranh chấp giữa ông M với bà T1. Tại buổi hòa giải ông M thừa nhận còn nợ bà T1 số tiền 65.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà T1 số tiền 1.000.000 đồng nhưng bà T1 không đồng ý. Do các bên không thỏa thuận được nên ông có lập biên bản hòa giải không thành, sau đó thông qua cho các bên nghe và thống nhất ký tên vào biên bản.

[3.2] Như vậy, có đủ cơ sở xác định thực tế giữa bà T1 và ông M có xác lập giao dịch vay tài sản, cụ thể là bà T1 cho ông M vay số tiền là 65.000.000 đồng. Sự việc này đã được ông M thừa nhận tại biên bản hòa giải cơ sở ngày ngày 30/8/2023, ngoài ra ông M cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với ông M, đã được thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của bà T1 nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp được chứng cứ về việc đã trả nợ cho bà T1. Xét thấy, việc ông M thừa nhận có vay của bà T1 số tiền 65.000.000 đồng tại buổi hòa giải ở cơ sở và hứa trả nợ 1.000.000 đồng/tháng. Do đó, có đủ căn cứ để buộc ông M phải có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ vay nêu trên cho bà T1. Đối với phần lãi, do bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 65.000.000 \text{ đồng} = 3.250.000 \text{ đồng}$.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T1** đối với bị đơn ông **Nguyễn Hoàng M**.

2. Buộc ông **Nguyễn Hoàng M** phải trả cho bà **Nguyễn Thị T1** số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà **Nguyễn Thị T1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **Nguyễn Hoàng M** chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông **Nguyễn Hoàng M** còn phải trả cho bà **Nguyễn Thị T1** số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông **Nguyễn Hoàng M** phải chịu là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà **Nguyễn Thị T1** được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004168 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành A.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THAhuyện Châu Thành A
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên